

# ĐẢNG BỘ KHU V LÃNH ĐẠO CÔNG TÁC BINH VẬN (1961-1965)

ThS LÊ QUANG HUY

*Trường Chính trị tỉnh Quảng Ngãi*

*Ngày nhận:*

3-4-2025

*Ngày thẩm định, đánh giá:*

17-9-2025

*Ngày duyệt đăng:*

5-10-2025

**Tóm tắt: Công tác binh vận có vị trí, vai trò chiến lược quan trọng trong chiến tranh giải phóng, là mũi giáp công thứ ba, có nhiệm vụ khoét sâu mâu thuẫn trong hàng ngũ sĩ quan, binh lính, làm rã ngũ quân đội Sài Gòn, góp phần vào thắng lợi của đấu tranh chính trị và quân sự. Giai đoạn 1961-1965, Đảng bộ Khu V lãnh đạo kết hợp đấu tranh chính trị - quân sự - binh vận, gây chia rẽ trong nội bộ địch, vô hiệu hóa chính sách “dùng người Việt đánh người Việt”, góp phần đánh bại chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của Mỹ và chính quyền Việt Nam cộng hòa.**

**Từ khóa:**

*Khu V; Đảng bộ Khu V; công tác binh vận; 1961-1965*

## 1. Tình hình Khu V và chủ trương của Đảng bộ Khu V về công tác binh vận

Đầu năm 1961, Mỹ và chính quyền Sài Gòn chuyển sang thực hiện chiến lược chiến tranh mới “Chiến tranh đặc biệt”; đề ra kế hoạch “Stalây - Taylo” bình định miền Nam trong vòng 18 tháng, sau đó là kế hoạch Giôn Xơn Mác - Namara, bình định miền Nam trong vòng 2 năm. Trong đó, coi việc xây dựng các “khu trù mật”, “ấp chiến lược” là quốc sách, là xương sống của “chiến tranh đặc biệt”; lấy Khu V làm trọng điểm để thực hiện kế hoạch này.

Ở Khu V, những năm 1961- 1963, chính quyền Sài Gòn ráo riết gom dân lập 2.800 ấp chiến lược; đồng thời càn quét, đánh phá, ra sức

đôn quân, bắt lính. Cuối năm 1962, Quân đội Việt Nam cộng hòa tập trung ở Khu V lên tới 5 sư đoàn, 28 tiểu đoàn, 62 đại đội bảo an, các xã có trung đội nghĩa quân, huyện có 1 đến 2 trung đội, tổng đoàn dân vệ hoặc biệt kích... Cuối năm 1964, trên chiến trường Khu V có đến 9.000 cố vấn, yểm trợ Mỹ; 16.000 sĩ quan, binh lính Quân đội Việt Nam cộng hòa<sup>1</sup>. Với lực lượng đông đảo, quân đội Sài Gòn chiếm giữ được những căn cứ và địa bàn chiến lược, các đường giao thông huyết mạch, kìm kẹp nhiều vùng nông thôn. Nhân dân mất ruộng vườn, bị dồn ép vào “trại tập trung”, “ấp chiến lược”, thanh niên bị bắt đi lính. Phong trào cách mạng ở Khu V gặp rất nhiều khó khăn.

Tháng 2-1961, Khu ủy V ra Nghị quyết số 62 “Về công tác binh vận”, đề ra nhiệm vụ: “Vận động binh lính đoàn kết với nhân dân chống âm mưu của Mỹ - Diệm dùng quân đội miền Nam làm công cụ đàn áp, đánh phá cách mạng miền Nam, sẵn sàng phá tan âm mưu gây chiến của đế quốc Mỹ. Xây dựng cơ sở cách mạng trong quân đội địch để tiến tới thực hiện khôi công nông binh liên hiệp chuẩn bị điều kiện kịp thời cùng với nhân dân đánh đổ chế độ độc tài phát xít của Mỹ - Diệm thực hiện hòa bình, độc lập, dân chủ, trung lập ở miền Nam tiến tới hòa bình thống nhất Tổ quốc. Tích cực vận động phong trào chống bắt lính phá tan âm mưu xây dựng quân đội và phát triển các lực lượng hậu bị khác của địch”<sup>2</sup>. Khu ủy yêu cầu: “Tranh thủ binh lính và sĩ quan đồng tình, ủng hộ, đoàn kết với nhân dân đấu tranh chống chế độ độc tài phát xít, chống âm mưu gây chiến tranh của Mỹ - Diệm; làm tan rã về chính trị, tư tưởng và làm tan rã từng bộ phận về tổ chức tiến tới làm tan rã toàn bộ khi có thời cơ. Tranh thủ nắm một số binh sĩ trong từng đơn vị tiến tới nắm chắc những đơn vị, bộ phận, vị trí quan trọng, xây dựng thực lực cách mạng trong hàng ngũ địch để phục vụ yêu cầu cách mạng khi có thời cơ. Đối với dân vệ, tích cực tranh thủ số đông lừng chừng, nắm chắc số tốt, cô lập, khống chế số đầu sỏ gian ác làm mất tác dụng đàn áp phong trào cách mạng địa phương tiến tới làm tan rã những nơi có điều kiện; ở miền núi làm tan rã toàn bộ; vận động nắm chắc và tiến lên làm tan rã các lực lượng hậu bị khác của địch”<sup>3</sup>. Coi trọng cả ba mặt công tác: tuyên truyền giáo dục, gây dựng cơ sở nội tuyến và lãnh đạo đấu tranh. Kết hợp chặt chẽ giữa tác chiến và binh vận, giữa binh vận và dân vận<sup>4</sup>. Tuyên truyền, vận động binh sĩ trong quân đội Sài Gòn đoàn kết với nhân dân đấu tranh chống chế độ độc tài phát xít của Mỹ - Diệm

tiến lên võ trang khởi nghĩa giành chính quyền, giải phóng miền Nam, tập trung vào các khâu hiệu đầu tranh: “Bãi bỏ chế độ cố vấn quân sự Mỹ”; “Hòa bình, độc lập, dân chủ, trung lập và hòa bình thống nhất Tổ quốc”; “Chống càn quét, khủng bố, chống bắt lính”<sup>5</sup>. Khu ủy đề ra nhiệm vụ của công tác binh vận: Ra sức tuyên truyền tấn công chính trị vào hàng ngũ quân đội địch mạnh mẽ, sâu rộng, liên tục và kịp thời chủ yếu làm cho binh lính hiểu chính sách của ta, hiểu rõ tình hình và nhiệm vụ cấp bách của họ phải cùng với toàn dân đứng lên đánh đổ Mỹ - Diệm<sup>6</sup>. Đẩy mạnh phong trào đấu tranh trong binh lính, làm tan rã về tư tưởng, tiến đến tan rã từng bộ phận lực lượng vũ trang và bán vũ trang địch, hạn chế tác dụng đàn áp, phá thế kim kẹp của địch ở các địa phương. Vận động binh lính đào ngũ, giải ngũ; kêu gọi làm binh biến ở những nơi có điều kiện và gia nhập mặt trận. Tích cực lãnh đạo phong trào chống bắt lính, chống quân sự hóa thanh niên. Xúc tiến mạnh mẽ xây dựng cơ sở nội tuyến vững chắc. Đặc biệt chú trọng công tác binh vận trong hoạt động vũ trang; trong các phong trào đấu tranh chính trị của quần chúng nhất là đấu tranh chống càn quét, khủng bố.

Từ ngày 15 đến ngày 31-7-1963, Hội nghị Khu ủy V (mở rộng) lần thứ 3, chủ trương đẩy mạnh công tác binh vận, công tác binh vận phải phục vụ cho việc phá vỡ các âm mưu càn quét, khủng bố, lấn chiếm, gom dân lập ấp chiến lược, rải chất độc hóa học, bắt lính tăng quân, phát triển các lực lượng bán vũ trang địa phương của địch. Công tác nội tuyến xây dựng thực lực cách mạng trong quân đội Sài Gòn, đặc biệt là xây dựng cơ sở trong sĩ quan. Tại Hội nghị, Khu ủy yêu cầu các cấp ủy trong Khu phải chỉ đạo đúng mức, tích cực bổ sung cán bộ cho công tác binh vận, chuyển một số đảng viên và cơ sở có điều kiện hoạt động hợp pháp sang cho ngành binh vận<sup>7</sup>.

## 2. Quá trình lãnh đạo thực hiện công tác binh vận

*Công tác tuyên truyền, vận động gia đình binh sĩ và binh sĩ quân đội Sài Gòn*

Công tác tuyên truyền, vận động binh sĩ và gia đình binh sĩ được các cấp bộ đảng lãnh đạo tiến hành thường xuyên và có nhiều sáng tạo. Đây là một hình thức binh vận mang tính nhân dân sâu sắc. Mục tiêu là từ tình thân gia đình, làm cho binh sĩ quân đội Sài Gòn hiểu rõ bản chất phi nghĩa của cuộc chiến tranh xâm lược do Mỹ gây ra, đánh thức lòng yêu nước, nghĩa đồng bào, tác động tư tưởng, tinh thần, góp phần làm tan rã hàng ngũ địch. Đối với gia đình binh lính và sĩ quan, Khu ủy V chủ trương: Tích cực vận động gia đình binh lính và sĩ quan... làm cho gia đình binh sĩ hiểu rõ âm mưu, thủ đoạn độc ác của Mỹ - Diệm, sự nguy hại của bản thân chồng con, anh em họ khi còn ở trong hàng ngũ quân đội địch; hiểu rõ chính sách của ta để họ quyết tâm giáo dục, thuyết phục tranh thủ chồng con, anh em họ trở về với gia đình, với làng xóm, với gia đình, với cách mạng<sup>8</sup>.

Dưới sự lãnh đạo của Khu ủy V và các cấp ủy địa phương, nhiều thôn, xã trong các vùng giải phóng đã tổ chức “Hội gia đình binh sĩ”, “Đại hội gia đình binh sĩ yêu nước”, kéo được hàng trăm lượt thân nhân binh sĩ trong vùng địch kiểm soát ra vùng giải phóng tham gia. Qua những hoạt động này, tuyên truyền giúp họ hiểu rõ chính sách của Đảng, của Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam Việt Nam, đồng viên được đông đảo các lực lượng tham gia phong trào đấu tranh ở địa phương, tích cực gọi chồng, con, em trở về với cách mạng.

Ở huyện Đức Phổ (Quảng Ngãi), năm 1962, các gia đình binh sĩ đã gọi 150 con, em bỏ ngũ về nhà làm ăn. Quảng Nam, có 3 gia đình đã vận động hơn 100 dân vệ mang theo cả súng,

bỏ ngũ trở về với gia đình. Ở các tỉnh Gia Lai, Kon Tum, Ninh Thuận, các gia đình binh sĩ đã tổ chức hàng trăm cuộc biểu tình kéo lên quận, tỉnh đấu tranh đòi chồng, con, tuyên truyền và vận động người thân về với gia đình<sup>9</sup>. Chỉ tính riêng trong năm 1965, Quảng Ngãi đã liên hệ, vận động tổ chức nhiều lớp học tập cho 4.915 người trong gia đình binh sĩ; trong số này có trên 2.000 người hăng hái cùng với nhân dân địa phương tham gia các cuộc đấu tranh chính trị, binh vận chống địch hành quân càn quét, đốt phá, chống bắt lính<sup>10</sup>. Ở Phú Yên, đã tổ chức học tập cho 148 đại biểu những gia đình có con em đang trong hàng ngũ địch<sup>11</sup>.

Về công tác tuyên truyền, vận động lực lượng dân vệ: Khu ủy V chủ trương dựa vào lực lượng đông đảo của quần chúng và hoạt động VT3 (vũ trang tuyên truyền), ra sức tranh thủ số lưng chừng, nắm chắc số tốt, cô lập không chế số cầm đầu gian ác, làm mất dần tác dụng đàn áp phong trào quần chúng, tiến lên làm tan rã ở những nơi có điều kiện<sup>12</sup>. Ở Quảng Đà, trong những năm 1961-1965, có 200 tổng đoàn, trung đội dân vệ, 234 “mâm” hội đồng xã, nhiều đồn bắt địch được ta vận động giác ngộ, trở thành lực lượng bảo vệ đường dây liên lạc từ huyện lên tỉnh<sup>13</sup>. Đến giữa năm 1965, trung bình toàn Khu V, quân địa phương rã 72%, tỉnh cao nhất 85% (Quảng Đà, Quảng Ngãi), tỉnh thấp nhất 50%. Lực lượng quân sự kim kẹp tại chỗ các địa phương bị tổn thất nặng<sup>14</sup>.

Đối với vận động sĩ quan, Khu ủy chủ trương: “Việc tranh thủ sĩ quan hết sức quan trọng nhưng cũng rất phức tạp nên phải nắm vững sách lược mặt trận, phải khéo léo, kiên trì, phải tùy từng người mà có kế hoạch vận động họ, phải phát huy đầy đủ tác dụng cương lĩnh Mặt trận Dân tộc Giải phóng miền Nam để vận động sĩ quan”<sup>15</sup>.

Quán triệt chủ trương của Khu ủy, các cấp ủy lãnh đạo sát công tác vận động binh sĩ, sĩ quan địch. Một số kết quả nổi bật như: năm 1962, có hơn 1.000 binh sĩ bỏ ngũ về làng. Tại quân trường Kon Tum, từ đầu năm 1962 đến 8-1962, có gần 1.000 binh sĩ bỏ ngũ. Trung tâm huấn luyện Dục Mỹ (Khánh Hòa) có một đại đội tân binh bỏ ngũ, ra vùng căn cứ kháng chiến<sup>16</sup>. Năm 1963, có 50 cuộc đấu tranh của binh lính (32 cuộc tự phát, 18 cuộc do ta tổ chức). Trong hai năm 1963 và 1964, có 110 vụ, trong đó có 30 trung đội làm binh biến, nổi dậy diệt ác ôn, giải tán dân vệ. Tháng 10-1964, ở tỉnh Bình Định, 2 trung đội dân vệ ở Tam Quan (Hoài Nhơn) làm binh biến, mang theo 68 súng ra vùng giải phóng<sup>17</sup>.

Dưới sự lãnh đạo của Khu ủy V, cuối năm 1962 công tác binh, tề vận đã thu được kết quả: Vùng đồng bằng, đã lôi kéo được 400 lính địch, làm tan rã hàng chục tổng đoàn dân vệ, vận động được 8 cuộc nội ứng, lấy được 68 súng. Khu vực miền núi, có 2.051 binh lính ngụy đào ngũ (đa số là người dân tộc thiểu số), phá 6 ổ vũ trang, thu 43 súng...; các cuộc đào ngũ tập thể của 1.000 lính Thượng ở Kon Tum và 500 ở Quảng Nam chạy về nhà. Cuối năm 1962 đã có 6 vụ binh biến, mang súng chạy sang hàng ngũ cách mạng<sup>18</sup>. Tính chung từ năm 1962 đến năm 1965, quân dân Khu V làm tan rã 75.117 binh lính ngụy (có 20 ngàn lính chủ lực), có 1.015 trung đội tan rã tập thể, phần lớn là dân vệ, thanh niên chiến đấu (năm 1964 tan rã cao nhất là 33.000 binh lính). Tổng số súng thu được 9.724 khẩu (trong tổng số 18.541 khẩu súng của toàn miền thu được)<sup>19</sup>.

*Xây dựng cơ sở nội tuyến trong quân địa phương và quân chủ lực quân đội Sài Gòn*

Khu ủy chủ trương: “Xúc tiến mạnh mẽ xây dựng cơ sở nội tuyến vững chắc, đặc biệt chú trọng các đơn vị, vị trí quan trọng..., chủ yếu là

binh lính, đồng thời phải chú trọng sĩ quan. Đặc biệt chú trọng công tác binh vận trong hoạt động vũ trang; trong các phong trào đấu tranh chính trị của quân chúng, nhất là đấu tranh chống càn quét, khủng bố”<sup>20</sup>.

Dưới sự lãnh đạo của Khu ủy, năm 1963, ta xây dựng được 54 cơ sở nội tuyến hoạt động bảo đảm bí mật. Tổng số binh biến nổi dậy từ năm 1961-1964 là 394 vụ, có 1 đại đội, 30 trung đội nổi dậy làm binh biến tập thể. Năm 1964, có 229 vụ, tiêu biểu ở Quảng Nam, Quảng Đà. Đã cài cắm được nhiều cơ sở trong binh lính, sĩ quan, nhân viên chính quyền từ tỉnh, huyện đến xã, ngay cả trong cơ quan chỉ huy Quân đoàn 1 ngụy, sở cảnh sát Gia Long (Đà Nẵng), cơ quan chiêu hồi Quảng Nam cũng có cơ sở bí mật hoạt động, đã lấy được nhiều hồ sơ tài liệu mật, cung cấp nhiều tin tức quan trọng. Nhờ có cơ sở nội tuyến, nên lực lượng ta đã hai lần đột nhập vào nhà lao Hội An giải phóng gần 1.400 cán bộ, đảng viên bị địch giam giữ<sup>21</sup>. Ở đồng bằng đã phát triển được 43.000 cơ sở trong 1.500 thôn.

Các cơ sở hoạt động binh vận luôn được xây dựng, bổ sung phát triển. Tính đến năm 1963, đã phát triển cơ sở gấp 6 lần so với năm 1961, có tỉnh phát triển trên 300 cơ sở. Tỉnh Bình Định (1963-1964) lực lượng làm công tác binh vận tăng 62% so với năm 1962. Ở Quảng Nam và Quảng Đà, từ 1961-1965, xây dựng được 1.000 cơ sở nội tuyến trong hàng ngũ địch. Năm được 200 chỉ huy cấp tổng đoàn, trung đội dân vệ và đại đội bảo an<sup>22</sup>.

*Thực hiện các chính sách đối với tù, hàng binh và gia đình binh sĩ trong quân đội Sài Gòn*

Khu ủy V chủ trương: “Trong lúc tác chiến phải có cán bộ nắm vững chính sách, có kế hoạch và tổ chức chu đáo để thực hiện tốt chính sách đối với thương, tù, hàng binh; trong bất kỳ hoàn cảnh nào cũng phải cố gắng giáo dục tốt tù hàng binh,

ở những nơi có điều kiện cần giáo dục với thời gian dài ngày hơn; đi đôi với việc giáo dục tốt cần lấy hành động thực tế của ta đối với họ để cảm hóa, thuyết phục họ. Làm thế nào mỗi cuộc phóng thích tù, hàng binh có ảnh hưởng tác động lớn vào hàng ngũ địch<sup>23</sup>. Dưới sự lãnh đạo của Khu ủy V, tù hàng binh được đối xử tử tế, được học tập chính sách nhân đạo của Đảng, Mặt trận Dân tộc Giải phóng. Công tác giáo dục tiến hành chu đáo, bố trí việc làm cho binh sĩ khi trở về vùng giải phóng, cũng như việc phóng thích tù hàng binh đã được cải tạo tốt nên hằng năm có nhiều đào binh theo cách mạng, về với nhân dân, hoặc được ta giáo dục đã giác ngộ để gây dựng cơ sở nội tuyến, giao một số nhiệm vụ thích hợp. Năm 1961, Khu V phóng thích 428 tù hàng binh. Tại Quế Sơn, trong 5 ngày có gần 480 binh lính nguy ra hàng, nhân dân và chính quyền phải ăn sẵn trừ bữa để gạo nuôi binh lính ra hàng. Từ năm 1961-1965, ở Quảng Nam có khoảng 2 vạn lính đào ngũ, riêng năm 1964 có hơn 6.000 người, trong đó số nhiều được giáo dục, giác ngộ, được bổ sung vào các đơn vị vũ trang cách mạng. Trong năm 1965, trong số 5.067 tù hàng binh có 252 người được chọn bổ sung vào du kích và Quân giải phóng<sup>24</sup>.

Gia đình binh sĩ nguy trở về được đối xử bình đẳng. Các gia đình binh sĩ được tham gia các Hội ở địa phương như: Hội nông dân, Hội phụ nữ, Hội tương thân, tương ái, Hội ái hữu... việc này đã tác động lớn đến tâm tư, tình cảm và trách nhiệm của họ đối với bà con chòm xóm với nhân dân địa phương. Đối với những binh sĩ, sĩ quan trong hàng ngũ địch đã lập công (nội ứng diệt ác ôn, phá đồn, khởi nghĩa, binh biến) được Mặt trận khen thưởng đúng mức, động viên kịp thời để cho họ công hiến nhiều cho cách mạng, cho Mặt trận Dân tộc Giải phóng.

Nhiều địa phương trong toàn Khu đã tổ chức được các cuộc “Đại hội gia đình binh sĩ yêu nước” và tiến hành phương thức hoạt động “xanh vỏ đỏ lòng”, rút kinh nghiệm về tổ chức lực lượng đấu tranh chính trị, binh vận, gồm cả các gia đình binh sĩ<sup>25</sup>.

### 3. Một số nhận xét

Khu ủy V đã nhận thức đúng vị trí chiến lược, ý nghĩa to lớn của công tác binh vận và tính cấp thiết của công tác binh vận trong kết hợp với đấu tranh quân sự, đấu tranh chính trị. Các cấp ủy đảng trong toàn Khu đã tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo công tác binh vận, vì vậy đã tạo được phong trào mạnh mẽ của quần chúng tấn công vào hàng ngũ địch, chống phá thế kìm kẹp, phá “ấp chiến lược”, càn quét, dồn dân, lập ấp của Mỹ và chính quyền Việt Nam cộng hòa.

Đảng bộ Khu V luôn coi trọng phát động phong trào quần chúng làm công tác binh vận. Vận động được đông đảo gia đình binh lính, sĩ quan và lực lượng trong dân vệ, nghĩa quân, thanh niên chiến đấu, nhân viên hành chính... đồng tình, ủng hộ tham gia phong trào đấu tranh của quần chúng phá ấp, giành dân, diệt ác ôn, tước vũ khí địch có hiệu quả; góp phần đánh bại biện pháp chiến lược gom dân lập ấp của địch, tiêu diệt và làm tan rã lớn sinh lực địch, tiến lên làm phá sản chiến lược “Chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ.

Luôn khắc phục khó khăn, thực hiện nghiêm chính sách tù hàng binh và gia đình họ, kịp thời động viên, khen thưởng những người có công với cách mạng, tạo niềm tin cho binh lính và nhân viên nguy quyền đối với cách mạng, đã có tác động đối với các lực lượng địch.

Cấp ủy các cấp đã có nhiều cố gắng chăm lo, xây dựng, sắp xếp kiện toàn tổ chức, phát triển lực lượng, nâng cao được năng lực, trách nhiệm

của đội ngũ làm công tác binh vận, đáp ứng yêu cầu phát triển mới của cách mạng, góp phần quan trọng vào thắng lợi chung trên chiến trường.

Tuy nhiên, công tác binh vận luôn có những vấn đề phát triển mới. Cấp ủy các cấp thiếu nhanh nhạy để chỉ đạo kịp thời cho cán bộ, nhân dân, bộ đội nắm vững nội dung, phương thức hoạt động, nhất là vấn đề “Công - Nông - Binh liên hiệp”, do đó hoạt động binh vận trên địa bàn Khu V có thời điểm chưa mạnh, chưa đều, chưa đáp ứng yêu cầu, nhiệm vụ đặt ra, thậm chí có cấp ủy, có nơi còn xem nhẹ công tác binh vận, như sau phá kìm (1962-1963). Chỉ đạo công tác binh vận có lúc chưa tập trung tấn công vào các đối tượng chủ yếu, còn nặng về kêu gọi, ít có biện pháp cụ thể, binh vận tập trung chủ yếu ở đồng bằng, nông thôn, lĩnh địa phương nhưng với quân chủ lực, quân binh chủng, sĩ quan và ở đô thị chưa được chú ý đúng mức nên kết quả công tác binh vận đối với lực lượng này còn hạn chế. Công tác chính sách tuy đã có cố gắng nhưng còn nhiều khuyết điểm, có lúc còn đối xử hẹp hòi, thành kiến, nặng truy ép, nhẹ thuyết phục, khiến họ nghi ngờ, thiếu lòng tin với cách mạng, gây trở ngại cho quá trình hoạt động binh vận. Trình độ năng lực của một bộ phận cán bộ binh vận cơ sở còn hạn chế do ít có điều kiện bồi dưỡng học tập. Việc sắp xếp bố trí cán bộ, củng cố tổ chức ở một số cấp ủy còn xem nhẹ, cán bộ binh vận thường xáo trộn nhiều (nhất là ở huyện, xã). Phương tiện bảo đảm cho hoạt động quá nghèo nàn, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ đặt ra.

Trong giai đoạn 1961-1965, Đảng bộ Khu V luôn xác định “Công tác binh vận là một mũi tấn công chiến lược”, nhằm kết hợp giữa đấu tranh quân sự, chính trị và binh vận. Căn cứ vào đặc điểm tình hình, yêu cầu, nhiệm vụ từng giai đoạn

của cuộc kháng chiến, Đảng bộ Khu V lãnh đạo toàn diện công tác binh vận, kịp thời đề ra chủ trương và sự chỉ đạo đúng đắn, sát với thực tiễn; xác định rõ đối tượng, nội dung nhiệm vụ, khả năng, quy mô và phương thức tấn công binh vận, tạo thành một phong trào quần chúng rộng lớn, làm suy sụp về tinh thần, dẫn đến tan rã lớn binh sĩ Việt Nam Cộng hòa, hạn chế thương vong tổn thất cho cách mạng; đẩy lùi từng bước, giành thắng lợi từng phần, góp phần cùng với nhân dân miền Nam đánh bại chiến lược “chiến tranh đặc biệt” của đế quốc Mỹ.

---

1, 9, 14, 16, 19, 21, 22, 24, 25. Thường vụ Đảng ủy - Bộ tư lệnh Quân khu V: *Tổng kết công tác binh vận chiến trường khu V trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước 1954-1975*, Nxb QĐND, H, 1999, tr 64, 73, 91, 74, 91, 79-80, 96-97, 92, 94

2, 3, 4, 5, 6, 8, 12, 15, 20, 23. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2002, T. 22, tr. 736-737, 737, 737, 738, 740, 748, 749, 750, 739-740, 747

7. Ban Chấp hành Đảng bộ Khu V: “Nghị quyết Hội nghị Khu ủy mở rộng lần thứ 3”, ngày 31-7-1963, lưu tại Kho lưu trữ Bộ Tư lệnh Quân Khu 5. Hồ sơ số 14, Kí hiệu lưu trữ: K1-T1-B-N2-HIQKU14-4/49

10. Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Quảng Ngãi: “Báo cáo tổng kết công tác binh vận trong cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)”, Lưu tại Viện lịch sử Đảng, Phòng TL-PP, V.004322, tr 59

11. Bộ Tư lệnh Quân khu 5: *Khu 5 - 30 năm chiến tranh giải phóng*, tập II, cuộc kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (thời kỳ 1954-1968), 1986, tr 152

13, 17. Tổng cục Chính trị: *Tổng kết công tác binh - vận trong kháng chiến chống Mỹ, cứu nước (1954-1975)*, Nxb QĐND, H, 2002, tr. 109, 109

18. Đảng Cộng sản Việt Nam: *Văn kiện Đảng Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2002, T. 23, tr. 925.